TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 6 – 2021
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Phúc Tiếng

2. Ông Lê Đình Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H Bk, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Y L, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn chị H Bk trình bày:

Chị H Bk và anh Y L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/3/1995. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung với nhau, không thống nhất về cách nuôi dậy con, anh Y L không có sự quan tâm đến vợ con, không quan tâm đến phát triển kinh tế, thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà kiếm cớ xúc phạm chửi bới vợ con, đánh chị H Bk. Mâu thuẫn phát sinh kéo dài cho

đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay chị H Bk xác định không còn tình cảm với anh Y L, nên chị H Bk yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H Bk được ly hôn với anh Y L.

Về con chung: Chị H Bk và anh Y L có 03 con chung là Y M, sinh ngày 05/02/1996; Y Mk, sinh ngày 26/6/1998; H' M1, sinh ngày 11/7/2006.

Khi ly hôn nguyện vọng của chị H Bk được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H' M1 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H Bk và anh Y L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Y M, sinh ngày 05/02/1996; Y Mk, sinh ngày 26/6/1998. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng chị H Bk không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H Bk và anh Y L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Y L trình bày:

AnhY L và chị H Bk tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/3/1995. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung với nhau, về kinh tế chị H Bk quản lý hết, không thống nhất về cách nuôi dậy con nên có xẩy ra cãi vã nhau, thỉnh thoảng anh Y L có uống rượu say về nhà có lời nói xúc phạm vợ nên hai vợ chồng xẩy ra cãi vã nhau thì chị H Bk ném muối giã ớt vào mặt anh Y L, đuổi đánh anh Y L phải bỏ chạy. Mâu thuẫn phát sinh kéo dài cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Chị H Bk và anh Y L có 03 con chung là: Y M, sinh ngày 05/02/1996; Y Mk, sinh ngày 26/6/1998; H' M1, sinh ngày 11/7/2006.

Nay nguyện vọng của anh Y L xác định vẫn còn tình cảm với chị H Bk nên xin được đoàn tụ. Trường hợp chị H Bk cương quyết xin ly hôn và Tòa án giải quyết cho chị H Bk ly hôn anh Y L thì nguyện vọng của anh Y L như sau:

Về con chung đồng ý để cho chị H Bk được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H' M1, sinh ngày 11/7/2006 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H Bk và anh Y L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Y M, sinh ngày 05/02/1996; Y Mk, sinh ngày 26/6/1998. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H Bk và anh Y L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 98; các Điều 171 đến Điều 177; Điều 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H Bk. Chị H Bk được ly hôn với anh Y L.

Về con chung: Giao cho chị H Bk được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H' M1, sinh ngày 11/7/2006 cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không giải quyết. Đối với các cháu Y M, sinh ngày 05/02/1996; Y Mk, sinh ngày 26/6/1998, đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân. Do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị H Bk phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị H Bk có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung giữa chị với anh Y L, đây là quan hệ "Tranh chấp ly hôn và nuôi con". Bị đơn anh Y L có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, quá trình làm việc tại Tòa án các đương sự không hòa giải được với nhau, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn anh Y L vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H Bk và anh Y L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/3/1995, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị H Bk xác định quá trình chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung với nhau, không thống nhất về cách nuôi dậy con, anh Y L không có sự quan tâm đến vợ con, không quan tâm đến phát triển kinh tế, thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà kiếm cớ xúc phạm chửi bới vợ con, đánh chị H Bk. Mâu thuẫn phát sinh kéo dài và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị H Bk không còn tình cảm với anh Y L, nên chị H Bk yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y L.

Anh Y L xác định quá trình chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung với nhau, về kinh tế chị H Bk quản lý hết, không thống nhất về cách nuôi dậy con nên có xảy ra cãi vã nhau, thỉnh thoảng anh Y L có uống rượu say về nhà có lời nói xúc phạm vợ nên hai vợ chồng xảy ra cãi vã nhau thì chị H Bk ném muối giã ớt vào mặt anh, đuổi đánh anh phải bỏ chạy. Mâu thuẫn phát sinh kéo dài và sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh Y L xác định vẫn còn tình cảm với chị H Bk nên xin được đoàn tụ.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Mẫu thuẫn giữa chị H Bk và anh Y L do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong cách nuôi dạy con cái, không có sự chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hành ngày, hiện nay đã sống ly thân nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H Bk và anh Y L có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Chị H Bk đã cương quyết xin ly hôn với anh Y L vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H Bk, giải quyết cho chị H Bk được ly hôn với anh Y L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Chị H Bk và anh Y L có 03 con chung là: Y M, sinh ngày 05/02/1996; Y Mk, sinh ngày 26/6/1998; H’ M1, sinh ngày 11/7/2006.

Khi ly hôn nguyện vọng của chị H Bk được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H’ M1. Phù hợp với nguyện vọng của cháu H’ M1, anh Y L. Xét thấy nguyện vọng của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Giao cho chị H Bk được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H’ M1 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H Bk và anh Y L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Đối với các cháu Y M, sinh ngày 05/02/1996; Y Mk, sinh ngày 26/6/1998, đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân. Do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị H Bk và anh Y L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H Bk phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H Bk.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H Bk được ly hôn với anh Y L.

2. Về con chung: Giao cho chị H Bk được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H’ M1, sinh ngày 11/7/2006 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H Bk và anh Y L không yêu cầu nên không giải quyết.

Đối với các cháu Y M, sinh ngày 05/02/1996; Y Mk, sinh ngày 26/6/1998, đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân. Do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Y L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H Bk và anh Y L không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị H Bk phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H Bk đã nộp theo biên lai số AA/2019/0013979 ngày 11/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã E, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Đại Minh